

Bộ, tỉnh:
Cơ quan quản lý cấp trên:

Mẫu số: 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2023

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	Đất trụ sở UBND xã Tân Hương cũ tại thôn 5	1,264	6,320,000,000	1,264	0	0	0	0	0													
1	Trụ sở làm việc 2 tầng móng 3 tầng UBND xã Tân Hương cũ									2015	672	7,638,167	4,888,427	672								
2	Nâng tầng 3 trụ sở làm việc 2 tầng UBND xã Tân Hương cũ									2015	336	2,888,518	1,848,652	336								
	Đất trụ sở UBND xã Ninh Thành cũ tại thôn Phú Đạm	4,582	10,309,500,000	4,582	0	0	0	0	0													
3	Trụ sở UBND xã Ninh Thành cũ									2008	1,612	1,481,681	0	1,612								
4	Nhà văn hóa trung tâm xã Ninh Thành cũ									2015	1,031	11,572,419	9,256,778	1,031								
5	Nhà hội trường UBND xã Ninh Thành cũ									1980	150	205,000	0	150								
	đất nhà văn hoá trung tâm xã tân hương cũ tại thôn 7	4,441	9,992,000,000	4,441	0	0	0	0	0													
6	Nhà văn hoá trung tâm xã Tân hương cũ (Hội trường TT xã)									2016	384	1,378,621	734,943	384								

	Đất nhà văn hoá thôn La tiến (trường MN cũ)	579	781,650,000	0	0	0	0	0	579											
7	Nhà văn hóa La Tiến(Nhà MN La Khê cũ)									2004	221	204,000	0						221	
	Đất Nhà văn hóa thôn 2 xã Tân hương	1,882	4,234,500,000	1,882	0	0	0	0	0											
8	Nhà văn hóa thôn 2									2007	133	109,467	0		133					
	Đất Nhà văn nhóa thôn 3	1,141	1,540,350,000	1,141	0	0	0	0	0											
9	Nhà văn hóa thôn 3									2005	97	99,735	0	97						
	Đất Nhà văn hóa thôn 4	1,949	4,385,250,000	1,949	0	0	0	0	0											
10	Nhà văn hóa thôn 4									2007	119	124,259	0	119						
	Đất Nhà văn hóa thôn 5	581	2,905,000,000	581	0	0	0	0	0											
11	Nhà văn hóa thôn 5									2006	128	167,569	0		128					
	Đất Nhà văn hóa thôn 6	73	2,905,000,000	73	0	0	0	0	0											
12	Nhà Văn hóa thôn 6									2005	91	107,505	0		91					
	Đất Nhà văn hóa thôn 7	3,061	3,061,000,000	3,061	0	0	0	0	0											
13	Nhà văn hóa thôn 7									2006	110	107,505	0		110					
	Đất Nhà văn hóa thôn Phú Mỹ cũ	722	974,700,000	0	0	0	0	0	722											
14	Nhà văn hóa thôn Phú Mỹ cũ (Phú Đan)									2007	103	96,000	0						103	
	Đất Nhà văn hóa thôn Đen Cũ	305	411,750,000	0	0	0	0	0	305											
15	Nhà văn hoa thôn Đen cũ									2014	95	919,087	428,662						95	
	Đất Nhà Văn hóa thôn Đan Bối cũ	356	480,600,000	0	0	0	0	0	356											
16	Nhà văn hóa thôn Đan Bối (Nhà cũ)									2014	95	1,684,513	785,657						95	
	Đất trạm y tế Tân Hương cũ	633	3,165,000,000	0	0	0	0	0	633											

17	Xây mới cải tạo trạm Y tế xã Tân Hương cũ									2016	50	400,095	186,604	50							
	Đất Nhà văn nhóa thôn Đông Tân	1,748	2,359,800,000	0	0	0	0	0	1,748												
18	Nhà văn hóa thôn Đông Tân									2007	102	153,000	0							102	
	Đất Nhà văn nhóa thôn 1	1,484	4,452,000,000	0	0	0	0	0	1,484												
19	Nhà văn hóa thôn 1									2009	133	255,700	33,983							133	
	Đất kỳ đài chiến thắng Ninh Thành cũ	207	2,484,000,000	0	0	0	0	0	207												
20	Kỳ đài chiến thắng (Cũ)									1975	44	13,000	0							44	
	Đất lớp học mầm non thôn 1 cũ	236	1,416,000,000	0	0	0	0	0	236												
21	Nhà lớp học mầm non thôn 1									2004	221	29,800	0							221	
	Đất nhà văn hóa Đan Cầu	90	130,000,000	0	0	0	0	0	90												
22	Nhà văn hóa thôn Đan Cầu									2007	108	130,000	0							108	

, ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)